

**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN
HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2016**

Tên đơn vị

Tên giao dịch viết tắt (nếu có)

Địa chỉ

Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương

Điện thoại

Fax

Email

Website

PHẦN I: NĂNG LỰC HỘI NHẬP QUỐC TẾ

(Số liệu tại thời điểm 31/12/2015)

(Điều tra Hội nhập quốc tế về KH&CN năm 2016 được thực hiện theo Quyết định 1276/QĐ-BKHCN ngày 24/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, các thông tin cung cấp theo phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo luật định)

1. NHÂN LỰC

Bảng 1. Nhân lực của đơn vị

Đơn vị tính: người

Nhân lực	Mã số	Tổng số	Trong đó: Được đào tạo tại nước ngoài	Số người có trình độ ngoại ngữ B2 hoặc tương đương trở lên
Tổng số nhân lực của đơn vị	01			
1. Tiến sĩ	02			
2. Thạc sĩ	03			
3. Đại học, cao đẳng	04			
4. Khác	05			X

2. KINH PHÍ

Bảng 2. Kinh phí cho hoạt động hội nhập quốc tế về KH&CN theo loại hình

Đơn vị tính: triệu đồng

Loại hình	Mã số	Tổng kinh phí	Trong đó: Nguồn từ nước ngoài
Kinh phí cho hoạt động hợp tác quốc tế về KH&CN (01=02+...+07) Chia theo :	01		
1.1. Kinh phí các dự án hợp tác quốc tế (Song phương, đa phương, nghị định thư)	02		
1.2. Kinh phí cho các đoàn ra nước ngoài công tác về KH&CN	03		
1.3. Kinh phí đón các đoàn vào làm việc về KH&CN	04		
1.4. Kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn quốc tế về KH&CN	05		
1.5. Kinh phí đóng niên liễm cho các tổ chức quốc tế mà đơn vị là thành viên	06		
1.6. Khác	07		

PHẦN II: KẾT QUẢ HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ KH&CN

(Số liệu từ 01/01/2015 đến 31/12/2015)

A- HOẠT ĐỘNG HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ KH&CN

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng
1.	Số người ra nước ngoài nghiên cứu, khảo sát về KH&CN	Người	
2.	Số người nước ngoài do đơn vị chủ trì mời vào nghiên cứu, khảo sát về KH&CN tại Việt Nam	Người	
3.	Số người nước ngoài làm việc tại đơn vị (Có thời gian làm việc từ 1 tháng trở lên)	Người	
4.	Số lượng các chương trình, đề tài/dự án hợp tác với nước ngoài mà đơn vị chủ trì (coordinator)	Đề tài/Dự án	
5.	Số lượng các chương trình, đề tài/dự án hợp tác với nước ngoài mà đơn vị tham gia (partner)	Đề tài/Dự án	
6.	Số người tham gia các hội thảo quốc tế ở nước ngoài	Người	
7.	Số người là diễn giả trong các hội thảo quốc tế	Người	
8.	Số người của đơn vị tham gia các tổ chức quốc tế liên quan đến KH&CN	Người	
9.	Số tổ chức quốc tế/điều ước quốc tế về KH&CN mà đơn vị là thành viên	Tổ chức	
10.	Số hội thảo/hội nghị quy mô quốc tế mà đơn vị đăng cai tổ chức trong năm	Hội thảo/hội nghị	
11.	Số người tham dự các khóa đào tạo và bồi dưỡng về KH&CN của nước ngoài và các tổ chức quốc tế	Người	
12.	Số người tham gia các dự án quốc tế	Người	
13.	Số thạc sĩ được đào tạo thông qua hợp tác quốc tế	Người	
14.	Số tiến sĩ được đào tạo thông qua hợp tác quốc tế	Người	
15.	Số đơn đăng ký sáng chế quốc tế của đơn vị	Đơn	
16.	Số chứng nhận được tổ chức sáng chế quốc tế/nước ngoài cấp cho đơn vị	Chứng nhận	
17.	Số báo cáo khoa học đóng góp trong các hội thảo quốc tế	Báo cáo	
18.	Số tổ chức nghiên cứu nước ngoài có hợp tác thường xuyên với đơn vị	Tổ chức	
19.	Số công nghệ được chuyển giao từ các đối tác nước ngoài	Công nghệ	
20.	Số công nghệ được chuyển giao ra nước ngoài	Công nghệ	
21.	Số hội chợ, triển lãm KH&CN quốc tế mà đơn vị tham gia	Hội chợ/triển lãm	

B- CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ THÔNG TIN KH&CN PHỤC VỤ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

1. Cơ sở hạ tầng

1.1. Có phương tiện nghiên cứu đạt trình độ quốc tế hay không?

- ☐ 1.ASEAN ☐ 2.Quốc tế ☐ 3.Không

2. Thông tin KH&CN

2.1. Số đầu tạp chí chuyên ngành tiếng nước ngoài: (tạp chí)

2.2. Số đầu sách tham khảo tiếng nước ngoài: (sách)

2.3. Đơn vị có đặt mua một trong các cơ sở dữ liệu sau hay không?

- ☐ ScienceDirect ☐ Springer link ☐ Taylor & Francis ☐ Cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác

2.4. Các kênh tìm kiếm và kết nối chính với các đối tác nước ngoài (có thể chọn nhiều mục)

- ☐ a.Tự liên hệ ☐ b.CQ chủ quản ☐ c.Bộ KH&CN ☐ d.Đại diện của Bộ KH&CN ở nước ngoài
☐ e.Cơ quan dịch vụ tư vấn ☐ f.Cơ quan ngoại giao ☐ g.Khác

2.5. Nhu cầu của đơn vị trong việc tìm kiếm thông tin phục vụ hội nhập quốc tế (có thể chọn nhiều mục)

Nội dung nhu cầu thông tin	Tính cấp thiết của nhu cầu			Mức độ đáp ứng nhu cầu		
	Chưa cấp thiết	Cấp thiết	Rất cấp thiết	Chưa tốt	Tốt	Rất tốt
a. Thông tin về các tổ chức nghiên cứu và phát triển quốc tế	☐	☐	☐	☐	☐	☐
b. Thông tin về chuyên gia nghiên cứu và phát triển quốc tế	☐	☐	☐	☐	☐	☐
c. Thông tin về các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về KH&CN, các sự kiện KH&CN quốc tế	☐	☐	☐	☐	☐	☐
d. Thông tin về các công nghệ mũi nhọn trên thế giới hiện nay	☐	☐	☐	☐	☐	☐

2.6. Đơn vị có website riêng không?

- ☐ 1.Có ☐ 2.Không

Nếu có, website này có trang tiếng Anh hoặc ngoại ngữ khác không?

- ☐ 1.Có ☐ 2.Không

2.7. Đơn vị có sử dụng tư vấn của các chuyên gia nước ngoài trong hoạt động khoa học và công nghệ không?

- ☐ 1.Có ☐ 2.Không

2.8. Đơn vị có xuất bản định kỳ tạp chí chuyên ngành bằng tiếng nước ngoài không?

- ☐ 1.Có ☐ 2.Không

Nếu có, xin cho biết tên tạp chí:

C- HIỆU QUẢ CỦA HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ KH&CN

Nội dung	Tác động của hội nhập quốc tế		
	Ít	Trung bình	Nhiều
1. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị nghiên cứu, nguồn lực thông tin KH&CN	☐	☐	☐
2. Nâng cao năng lực nghiên cứu của đơn vị	☐	☐	☐
3. Đào tạo cán bộ	☐	☐	☐
4. Bổ sung nguồn kinh phí cho hoạt động KH&CN	☐	☐	☐
5. Tăng cường công bố quốc tế của đơn vị	☐	☐	☐
6. Nâng cao vị thế của đơn vị	☐	☐	☐

PHẦN II: KẾT QUẢ HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ KH&CN

(Số liệu từ 01/01/2015 đến 31/12/2015)

A- HOẠT ĐỘNG HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ KH&CN

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng
1.	Số người ra nước ngoài nghiên cứu, khảo sát về KH&CN	Người	
2.	Số người nước ngoài do đơn vị chủ trì mời vào nghiên cứu, khảo sát về KH&CN tại Việt Nam	Người	
3.	Số người nước ngoài làm việc tại đơn vị (Có thời gian làm việc từ 1 tháng trở lên)	Người	
4.	Số lượng các chương trình, đề tài/dự án hợp tác với nước ngoài mà đơn vị chủ trì (coordinator)	Đề tài/Dự án	
5.	Số lượng các chương trình, đề tài/dự án hợp tác với nước ngoài mà đơn vị tham gia (partner)	Đề tài/Dự án	
6.	Số người tham gia các hội thảo quốc tế ở nước ngoài	Người	
7.	Số người là diễn giả trong các hội thảo quốc tế	Người	
8.	Số người của đơn vị tham gia các tổ chức quốc tế liên quan đến KH&CN	Người	
9.	Số tổ chức quốc tế/điều ước quốc tế về KH&CN mà đơn vị là thành viên	Tổ chức	
10.	Số hội thảo/hội nghị quy mô quốc tế mà đơn vị đăng cai tổ chức trong năm	Hội thảo/hội nghị	
11.	Số người tham dự các khóa đào tạo và bồi dưỡng về KH&CN của nước ngoài và các tổ chức quốc tế	Người	
12.	Số người tham gia các dự án quốc tế	Người	
13.	Số thạc sĩ được đào tạo thông qua hợp tác quốc tế	Người	
14.	Số tiến sĩ được đào tạo thông qua hợp tác quốc tế	Người	
15.	Số đơn đăng ký sáng chế quốc tế của đơn vị	Đơn	
16.	Số chứng nhận được tổ chức sáng chế quốc tế/nước ngoài cấp cho đơn vị	Chứng nhận	
17.	Số báo cáo khoa học đóng góp trong các hội thảo quốc tế	Báo cáo	
18.	Số tổ chức nghiên cứu nước ngoài có hợp tác thường xuyên với đơn vị	Tổ chức	
19.	Số công nghệ được chuyển giao từ các đối tác nước ngoài	Công nghệ	
20.	Số công nghệ được chuyển giao ra nước ngoài	Công nghệ	
21.	Số hội chợ, triển lãm KH&CN quốc tế mà đơn vị tham gia	Hội chợ/triển lãm	

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1579 /SKHCN-TTTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 7 năm 2016

V/v thực hiện điều tra hội nhập quốc
tế về KH&CN năm 2016

Kính gửi: Lãnh đạo cơ quan, đơn vị

Căn cứ Quyết định số 144/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng chính phủ về ban hành chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1276/QĐ-BKHCN ngày 24 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về điều tra hội nhập quốc tế về Khoa học và Công nghệ năm 2016;

Căn cứ Công văn số 381/TTKHCN ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia về tiến hành Điều tra nghiên cứu và phát triển và Điều tra Hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ năm 2016.

Sở Khoa học và Công nghệ TP. HCM tiến hành điều tra Hội nhập quốc tế về KH&CN năm 2016 kể từ ngày 01/7/2016. Mục tiêu của cuộc điều tra nhằm thu thập thông tin về mức độ hội nhập quốc tế về KH&CN của các tổ chức nghiên cứu và phát triển, các trường đại học, các tổ chức dịch vụ KH&CN, các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp khác có hoạt động nghiên cứu và phát triển để phục vụ đánh giá, xây dựng chính sách, chiến lược khoa học và công nghệ.

Sở Khoa học và Công nghệ TP.HCM gửi kèm công văn này mẫu phiếu điều tra dành cho Quý cơ quan, đơn vị. Đề nghị Quý cơ quan, đơn vị điền đầy đủ thông tin vào mẫu phiếu điều tra gửi kèm và chuyển về đơn vị đầu mối là Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ TP. HCM theo đúng tiến độ quy định (trước ngày 05/08/2016).

Các văn bản, tài liệu và hướng dẫn liên quan đến cuộc điều tra hội nhập quốc tế về KH&CN năm 2016 đã được đăng tải tại chuyên mục “Thống kê KH&CN” trên website: <http://www.cesti.gov.vn>.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, vui lòng liên hệ Trung tâm Thông tin để được hướng dẫn cụ thể:

Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ TP.HCM

Địa chỉ: 79 Trương Định, Phường Bến Thành Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: 3829 7040 (222)

Người liên hệ: Lê Trần Duy Sang

Email: duysang@cesti.gov.vn

Đề nghị Quý cơ quan, đơn vị nghiên cứu và bố trí nhân sự triển khai thực hiện công việc theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD Sở (để b/c);
- Lưu: VT, TTTT, S(175). KP

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Kỳ Phùng

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN
VỀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ NĂM 2016

Thời kỳ thu thập số liệu: Số liệu tính từ 01/01/2015 đến 31/12/2015

PHẦN 1. NĂNG LỰC HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA CÁC TỔ CHỨC
KH&CN (số liệu tại thời điểm 31/12/2015)

I. Nhân lực

1. Nhân lực của đơn vị

Tổng số nhân lực của đơn vị: là tổng số người mà đơn vị báo cáo quản lý, sử dụng và trả lương, bao gồm cả lao động trong biên chế đã được tuyển dụng chính thức và lao động hợp đồng. Ghi rõ số người được đào tạo tại nước ngoài và số người có trình độ ngoại ngữ B2 hoặc tương đương trở lên.

Trong đó cụ thể số Tiến sĩ; Thạc sĩ; Đại học, cao đẳng; Các mục này cũng ghi rõ số người được đào tạo tại nước ngoài và số người có trình độ ngoại ngữ B2 hoặc tương đương trở lên.

II. Kinh phí

1. Kinh phí cho hoạt động hội nhập quốc tế về KH&CN theo loại hình (trong năm 2015)

Kinh phí cho hoạt động hợp tác quốc tế về KH&CN: kinh phí thực chi để thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế về KH&CN. Kinh phí thực chi được chia theo nội dung chi như sau:

- Kinh phí các dự án hợp tác quốc tế (Song phương, đa phương, nghị định thư);
- Kinh phí cho các đoàn ra nước ngoài công tác về KH&CN;
- Kinh phí cho các đoàn vào làm việc về KH&CN;
- Kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn quốc tế về KH&CN;
- Kinh phí đóng niên liễm cho các tổ chức quốc tế mà đơn vị là thành viên;
- Kinh phí khác;

PHẦN 2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU HỘI NHẬP QUỐC
TẾ VỀ KH&CN (số liệu từ 01/01/2015 đến 31/12/2015)

A. Hoạt động hội nhập quốc tế về KH&CN

Biểu thống kê thu thập thông tin về những nội dung chính sau:

- *Số người ra nước ngoài nghiên cứu, khảo sát về KH&CN*: Số người ra được hiểu là số người ra nước ngoài của đoàn ra.

- *Số người nước ngoài do đơn vị chủ trì mời vào nghiên cứu, khảo sát về KH&CN tại Việt Nam*: là số người nước ngoài do đơn vị chủ trì mời vào nghiên cứu, khảo sát, dự hội nghị/hội thảo về KH&CN tại Việt Nam. Không tính số người nước ngoài đến thăm và làm việc với đơn vị/tổ chức nhưng do đơn vị khác chủ trì mời vào Việt Nam.

- *Số người nước ngoài làm việc tại đơn vị*;

- *Số lượng các chương trình, đề tài/dự án hợp tác với nước ngoài mà đơn vị chủ trì (coordinator)*;

- *Số lượng các chương trình, đề tài/dự án hợp tác với nước ngoài mà đơn vị tham gia (partner)*;

- *Số người tham gia các hội thảo quốc tế ở nước ngoài*;

- *Số người là diễn giả trong các hội thảo quốc tế*;

- *Số người của đơn vị tham gia các tổ chức quốc tế liên quan đến KH&CN*: Số người của đơn vị được làm việc tại các tổ chức quốc tế liên quan đến KH&CN theo các hình thức như: Được cử đi và được tuyển chọn. Số người của đơn vị/tổ chức được cử đi làm việc tại các tổ chức quốc tế liên quan đến KH&CN là những người thuộc biên chế của đơn vị/tổ chức nhưng được cử vào hoặc được tuyển vào làm việc lâu dài theo nhiệm kỳ hoặc không xác định thời hạn tại các tổ chức quốc tế, sau khi hết nhiệm kỳ hoặc kết thúc làm việc tại tổ chức đó sẽ trở về làm việc tại đơn vị/tổ chức. Những người được tuyển chọn vào làm việc tại tổ chức quốc tế là những người trong năm báo cáo đã từng làm việc tại đơn vị nhưng tham gia tuyển chọn và được tổ chức quốc tế chọn vào làm việc nên đã cắt biên chế hoặc thôi không làm việc với đơn vị/tổ chức nữa.

- *Số tổ chức quốc tế/điều ước quốc tế về KH&CN mà đơn vị là thành viên*;

- *Số hội thảo/hội nghị quy mô quốc tế mà đơn vị đăng cai tổ chức trong năm*;

- *Số người tham dự các khóa đào tạo và bồi dưỡng về KH&CN của nước ngoài và các tổ chức quốc tế*;

- *Số người tham gia các dự án quốc tế*;

- Số người của đơn vị tham gia làm thành viên ban biên tập các Tạp chí KH&CN nước ngoài, quốc tế;

- Số thực sĩ được đào tạo thông qua hợp tác quốc tế;

- Số tiến sĩ được đào tạo thông qua hợp tác quốc tế;

- Số đơn đăng ký sáng chế quốc tế của đơn vị;

- Số chứng nhận được tổ chức sáng chế quốc tế/nước ngoài cấp cho đơn vị;

- Số báo cáo khoa học đóng góp trong các hội thảo quốc tế;

- Số tổ chức nghiên cứu nước ngoài có quan hệ hợp tác thường xuyên với đơn vị;

- Số công nghệ được chuyển giao từ các đối tác nước ngoài;

- Số công nghệ được chuyển giao ra nước ngoài;

- Số hội chợ, triển lãm KH&CN quốc tế mà đơn vị tham gia.

B. Cơ sở hạ tầng và Thông tin KH&CN phục vụ Hội nhập quốc tế

1. Cơ sở hạ tầng:

Đơn vị có phương tiện nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đạt trình độ quốc tế hay không.

2. Thông tin KH&CN

Biểu thu thập thông tin về:

- Số lượng tạp chí chuyên ngành/ đầu sách tham khảo tiếng nước ngoài;

- Đơn vị có đặt mua một trong các cơ sở dữ liệu sau hay không: ScienceDirect, Springer link, Taylor & Francis và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác

- Các kênh tìm kiếm và kết nối chính với các đối tác nước ngoài: chọn 01 (một) hoặc nhiều kênh tìm kiếm;

- Nhu cầu của đơn vị trong việc tìm kiếm thông tin phục vụ hội nhập quốc tế:
Đây là bảng hỏi phức gồm hai nhóm lựa chọn cho mỗi nội dung. Người điền phiếu đánh dấu ☒ vào 1 ô phù hợp nhất cho mỗi nhóm lựa chọn theo từng nội dung. Ví dụ:

Nội dung nhu cầu thông tin	Tính cấp thiết của nhu cầu			Mức độ đáp ứng nhu cầu		
	Chưa	Cấp	Rất cấp	Chưa	Tốt	Rất

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Điều tra hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ năm 2016

**BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 30/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thống kê khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 1757/QĐ-BKHCN ngày 27 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về việc ban hành Danh mục các cuộc điều tra thống kê KH&CN ngoài Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiến hành Điều tra hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ năm 2016, thuộc Danh mục các cuộc điều tra thống kê KH&CN ngoài Chương trình điều tra thống kê quốc gia, từ ngày 01/6/2016 đến 30/6/2016 theo Phương án được ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Điều tra hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ năm 2016 theo đúng kế hoạch, nội dung và phương án quy định. Kinh phí thực hiện Điều tra hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ năm 2016 được lấy từ kinh phí thực hiện nhiệm vụ thống kê khoa học và công nghệ năm 2016 đã được giao cho Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Cục trưởng Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tổng cục Thống kê;
- Các tổ chức KH&CN;
- Lưu VT, TTKHCN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Trần Việt Thanh